

**CÔNG TY CP GIÁO DỤC ASKTRAINING VIET NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP GIÁO DỤC ASKTRAINING VIET NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110462656

**3. Ngày thành lập:** 25/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934152255

Fax:

Email:

Website: [trangnguyen2.ask@gmail.com](mailto:trangnguyen2.ask@gmail.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóaChi tiết: - Đại lý bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                               | 4610     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                          | 4652     |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện<br>(Trừ hợp báo)<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)   | 8230     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh ( Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật). | 8299     |
| 6.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                               | 8551     |
| 7.  | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                 | 8552     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính.</li> </ul> <p>(Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)</p> | 8559(Chính) |
| 9.  | <p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn giáo dục.</li> <li>- Dịch vụ kiểm tra giáo dục.</li> <li>- Tổ chức chương trình trao đổi sinh viên</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8560        |
| 10. | <p>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</p> <p>Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9000        |
| 11. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9311        |
| 12. | <p>Lập trình máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Sản xuất phần mềm</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201        |
| 13. | <p>Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính</p> <p>Chi tiết: Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6202        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6209        |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6311        |
| 16. | <p>Cổng thông tin</p> <p>(Trừ hoạt động báo chí)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6312        |
| 17. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6619        |
| 18. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ môi giới bất động sản</li> <li>- Dịch vụ tư vấn bất động sản</li> <li>- Dịch vụ quản lý bất động sản</li> <li>- Sàn giao dịch bất động sản</li> <li>- Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư</li> </ul> <p>(Trừ hoạt động đấu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                     | 6820        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                               | 7020 |
| 20. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310 |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Chi tiết: (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);                                                                                                                                                                                                         | 7320 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản;<br>- Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); | 7490 |
| 23. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                       | 6190 |
| 24. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7820 |
| 25. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7830 |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                   | 4741 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                   | Loại cổ<br>phần         | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>THU TRANG | P1602, Khu<br>NOCT,<br>HEMISCO,<br>Phường Phúc La,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông | 800.000       | 8.000.000.000            | 80,000       | 0341920055<br>77                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                      | Tổng số                 | 800.000       | 8.000.000.000            | 80,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                      |                         |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                                            |                   |         |               |        |              |  |
|---|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | PHẠM NGỌC GIA BÁCH | Số 99 Đường Lạc Trung A, Tổ 14, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 001202004960 |  |
|   |                    |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |              |  |
| 3 | PHẠM THỊ MINH THU  | 1C/40/358 phố Bùi Xương Trạch, Tổ 3 Cụm 5, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 022179003106 |  |
|   |                    |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |              |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU TRANG
Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/07/1992
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034192005577

Ngày cấp: 09/01/2019
Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P1602, Khu NOCT, HEMISCO, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *P1602, Khu NOCT, HEMISCO, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội